

CHÍNH PHỦ
Số: 100/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 1993

NGHỊ ĐỊNH

Về kinh doanh bảo hiểm

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bảo hiểm và tăng cường quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm để thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. - Hoạt động kinh doanh bảo hiểm là việc doanh nghiệp bảo hiểm chấp nhận rủi ro trên cơ sở người được bảo hiểm đóng một khoản tiền gọi là phí bảo hiểm để doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường hay trả tiền bảo hiểm khi xảy ra trường hợp thuộc trách nhiệm bảo hiểm.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm cả hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm và hoạt động trung gian bảo hiểm.

Điều 2. - Trong Nghị định này các khái niệm dưới đây được hiểu như sau:

1. Doanh nghiệp bảo hiểm bao gồm doanh nghiệp Nhà nước, công ty cổ phần, công ty bảo hiểm tương hỗ, công ty liên doanh bảo hiểm, chi nhánh của tổ chức bảo hiểm nước ngoài, công ty bảo hiểm 100% vốn nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam:

1.1. Công ty bảo hiểm tương hỗ là công ty hoạt động kinh doanh bảo hiểm cho các thành viên của mình theo nguyên tắc tương hỗ, không nhằm mục đích thu lợi nhuận.

1.2 Công ty liên doanh bảo hiểm là công ty bảo hiểm được hình thành trên cơ sở góp vốn của Bên Việt Nam và Bên nước ngoài.

1.3 Chi nhánh của tổ chức bảo hiểm nước ngoài là bộ phận hoạt động tại Việt Nam của tổ chức bảo hiểm nước ngoài.

1.4 Công ty bảo hiểm 100% vốn nước ngoài là công ty bảo hiểm do tổ chức bảo hiểm nước ngoài đầu tư 100% vốn, thành lập tại Việt Nam.

2. Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam là doanh nghiệp Nhà nước, có tư cách pháp nhân, có chức năng chuyên hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm.

3. Tổ chức môi giới bảo hiểm bao gồm doanh nghiệp Nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, công ty liên doanh môi giới bảo hiểm, chi nhánh của tổ chức môi giới bảo hiểm nước ngoài, công ty môi giới bảo hiểm 100% vốn nước ngoài:

3.1 Công ty liên doanh môi giới bảo hiểm là công ty môi giới bảo hiểm được hình thành trên cơ sở góp vốn của Bên Việt Nam và Bên nước ngoài.

3.2 Chi nhánh của Công ty môi giới bảo hiểm nước ngoài là bộ phận hoạt động tại Việt Nam của tổ chức môi giới bảo hiểm nước ngoài.

3.3 Công ty môi giới bảo hiểm 100% vốn nước ngoài là công ty môi giới bảo hiểm do tổ chức môi giới bảo hiểm nước ngoài đầu tư 100% vốn, thành lập tại Việt Nam.

4. Đại lý bảo hiểm là cá nhân có đủ điều kiện quy định tại Điều 19 của Nghị định này hoạt động đại lý bảo hiểm.

Điều 3. - Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức môi giới bảo hiểm và đại lý bảo hiểm, không áp dụng đối với bảo hiểm y tế ban hành kèm theo Nghị định số 299-HĐBT ngày 15-8-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 43-CP ngày 22-6-1993 của Chính phủ.

Doanh nghiệp bảo hiểm phải chịu trách nhiệm về hoạt động của đại lý bảo hiểm của mình.

Điều 4. - Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của người được bảo hiểm.

Điều 5. - Doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức môi giới bảo hiểm muốn tiến hành hoạt động kinh doanh bảo hiểm, phải được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Điều 6. - Doanh nghiệp bảo hiểm có thể tái bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm khác.

Trong trường hợp tái bảo hiểm cho các tổ chức bảo hiểm ở nước ngoài, doanh nghiệp bảo hiểm phải tái bảo hiểm một phần trách nhiệm theo hợp đồng tái bảo hiểm đó cho Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam do Bộ Tài chính quy định.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

Điều 7. - Các loại nghiệp vụ bảo hiểm được phép kinh doanh theo Nghị định này:

1. Bảo hiểm nhân thọ
2. Bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm tai nạn con người.
3. Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại.
4. Bảo hiểm vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không.
5. Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu.
6. Bảo hiểm trách nhiệm chung
7. Bảo hiểm hàng không
8. Bảo hiểm xe cơ giới.
9. Bảo hiểm cháy.
10. Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính.
11. Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
12. Bảo hiểm nông nghiệp.
13. Các nghiệp vụ bảo hiểm khác do Bộ Tài chính quy định

Các loại nghiệp vụ bảo hiểm từ điểm 2 đến điểm 13 trên đây gọi chung là bảo hiểm phi nhân thọ.

Điều 8.

1. Ngoài các loại nghiệp vụ bảo hiểm được quy định tại Điều 7 của Nghị định này, doanh nghiệp bảo hiểm còn được phép tiến hành việc giám định, điều tra, tính toán phân bổ tổn thất, đại lý giám định và xét giải quyết bồi thường.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được phép kinh doanh các loại nghiệp vụ theo phương thức và điều kiện ghi trong Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm do Bộ Tài chính cấp.

Điều 9. - Doanh nghiệp bảo hiểm phải ký quỹ tại ngân hàng được phép kinh doanh trên lãnh thổ Việt nam.

Doanh nghiệp được quyền hưởng lãi trên số tiền ký quỹ.

Bộ Tài chính quy định mức tiền ký quỹ và cách sử dụng tiền ký quỹ.

Điều 10. - Doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình hoạt động phải luôn đảm bảo khả năng thanh toán và phải lập các khoản dự phòng nghiệp vụ đủ để thực hiện các cam kết với người được bảo hiểm.

Điều 11. - Doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức môi giới bảo hiểm phải trích 5% lãi ròng hàng năm để lập quỹ dự trữ bắt buộc cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ, riêng đối với chi nhánh của tổ chức bảo hiểm và môi giới bảo hiểm nước ngoài thì bằng 10% mức vốn pháp định quy định tại Điều 22 của Nghị định này.

Điều 12.

1. Doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức môi giới bảo hiểm được phép sử dụng vốn nhàn rỗi để đầu tư theo các quy định của pháp luật

2. Riêng các khoản dự phòng nghiệp vụ quy định tại Điều 10 Nghị định này chỉ được đầu tư tại Việt Nam và cho các lĩnh vực sau:

2.1 Mua công trái, tín phiếu Kho bạc Nhà nước.

2.2 Kinh doanh bất động sản.

2.3 Mua chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu...);

2.4 Góp vốn liên doanh.

2.5 Cho vay theo Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và Công ty tài chính, ngày 23 tháng 5 năm 1990;

2.6 Gửi tại Ngân hàng, các tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc Nhà nước để thu lãi.

Bộ Tài chính quy định tỷ lệ vốn được phép đầu tư vào mỗi lĩnh vực trên nhằm đảm bảo cho doanh nghiệp bảo hiểm luôn duy trì được khả năng thanh toán.

Điều 13. - Công ty liên doanh bảo hiểm, công ty liên doanh môi giới bảo hiểm, chi nhánh của tổ chức bảo hiểm, môi giới bảo hiểm nước ngoài, công ty bảo hiểm 100% vốn nước ngoài và công ty môi giới bảo hiểm 100% vốn nước ngoài được quyền chuyển ra nước ngoài:

1. Số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập quỹ dự trữ và các khoản dự phòng bắt buộc hay tự nguyện ghi trong Điều lệ công ty và thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo pháp luật.
2. Số tài khoản còn lại sau khi thanh lý.

Điều 14, - Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức môi giới bảo hiểm muốn thay đổi các nội dung dưới đây phải được Bộ Tài chính chấp nhận bằng văn bản:

1. Tên gọi, Điều lệ;
2. Tăng giảm vốn điều lệ;
3. Thay đổi trụ sở chính hoặc chi nhánh;
4. Mở, đóng cửa chi nhánh;
5. Thay đổi các nội dung đã quy định trong Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

Điều 15. - Nội dung quản lý Nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm:

1. Xây dựng và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách, pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
2. Xây dựng và ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện, thể lệ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
3. Cấp và thu hồi Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
4. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các chế độ, thể lệ về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
5. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại của tổ chức, cá nhân về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.